

Bản án số 1203/2019/KDTM-PT
Ngày 19/12/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Công Toại
Bà Hà Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ - Thư ký của Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn
Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
122/KDTMPT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán
hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019
của Tòa án nhân dân Quận 9 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5050/2019/QĐ-PT ngày 22
tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty VQT
(Trước đây là Công ty VQT)

Địa chỉ: 808LLQ, Phường 9, quận TB, TP H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông B, trú tại 242/20 BV,
PhườngPNLo, Quận 1, Thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 19/4/2012) (có mặt)

Bị đơn: Công ty HH

Địa chỉ: 672A Quốc lộ 52, phường PL B, Quận 9, TP H

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông L, trú tại 2/5 đường TL, phường PL
A, Quận 9, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 02/2019/GUQ/HH ngày 25/11/2019)
(có mặt)

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty H

Địa chỉ: 56/6 Quốc lộ 1A, phường TTN, Quận 12, Thành phố H (có đơn xin
vắng mặt)

2. Công ty N

Địa chỉ: 2A4 đường N1, đại học NL, Khu phố 6, phường LT, quận TĐ, Thành phố H (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn là Công ty VQT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2017 và lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty VQT trình bày là Công ty VQT sau này được chuyển đổi thành Công ty VQT (gọi tắt là Công ty VQT) mua của Công ty HH (gọi tắt là Công ty HH) tôn màu các loại theo Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011 với tổng trị giá là 81.011.449 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%), thời gian giao hàng là 04 ngày kể từ ngày nhận được tiền đặt cọc. Ngày 26/12/2011, Công ty VQT đã ủy nhiệm chi cho Công ty HH số tiền đặt cọc là 8.101.145 đồng. Công ty HH đã thông báo giao hàng vào ngày 30/12/2011. Ngày 03/01/2012, Công ty VQT thuê xe đến Công ty HH để nhận hàng nhưng Công ty HH không phát hành hóa đơn để vận chuyển trên đường. Công ty VQT có yêu cầu là nếu không phát hành hóa đơn thì phải phát hành văn bản pháp lý cho lô hàng lưu thông trên đường nhưng Công ty HH từ chối mà chỉ hứa bằng lời nói nên Công ty VQT không thể nhận hàng. Do không nhận được hàng, Công ty VQT khởi kiện đến Tòa án với yêu cầu là buộc Công ty HH chấm dứt thực hiện Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011 và phải thanh toán các khoản sau:

- 8.101.145 đồng tiền cọc do Công ty HH vi phạm hợp đồng nêu trên,
- 4.050.500 đồng là tiền bồi thường bằng 5% giá trị hợp đồng do Công ty HH vi phạm Điều 6.1 của hợp đồng nêu trên,
- 2.800.000 đồng là tiền thuê xe để vận chuyển tôn nhưng không vận chuyển được do không có hóa đơn bán hàng,
- 6.543.000 đồng là tiền bị phạt hợp đồng bởi Công ty H do không có tôn để lắp ráp nhà tiền chế,
- 24.300.000 đồng là tiền bị bồi thường (bị phạt 50% thay vì 100%) và tiền thuê nhà xưởng của các tháng tiếp theo cho đến lúc chấm dứt vụ kiện bởi Công ty N theo hợp đồng cho thuê nhà xưởng.

Tổng số tiền phải thanh toán được làm tròn là 45.794.000 đồng.

Ngày 15/12/2017, Công ty VQT có đơn yêu cầu bổ sung là buộc Công ty HH bồi thường 15.000.500 đồng do không có tôn lợp dẫn đến phần cấu trúc thép lắp dựng dở dang bị rỉ sét và tiền lãi tạm tính từ tháng 3/2012 đến ngày 15/12/2017 với mức lãi suất 7%/năm trên số tiền 47.794.000 đồng (gồm 45.794.000 đồng số tiền phải thanh toán và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí), số nợ lãi được tính là 26.286.000 đồng.

Bị đơn là Công ty HH do ông L làm đại diện theo ủy quyền trình bày là Công ty HH xác nhận có bán tôn cho Công ty VQT như Công ty VQT đã trình bày. Thực hiện hợp đồng, Công ty VQT đã đặt cọc cho Công ty HH số tiền

8.101.145 đồng vào ngày 26/12/2011. Ngày 30/12/2011, Công ty HH có thông báo cho Công ty VQT về việc giao hàng.

Ngày 03/01/2012, nhân viên của Công ty VQT (có tên là Bình) đã đến nhận hàng, bốc hàng lên xe và có yêu cầu bên Công ty HH xuất hóa đơn thì Công ty HH có đưa bản sao hóa đơn vì bản chính đã gửi cho Công ty VQT nhưng bên người nhận hàng vẫn không đồng ý. Ngoài ra, ông B đến nhận hàng nhưng không mang giấy giới thiệu nên Công ty HH không giao hàng cho ông Bình. Ngày 05/01/2012 và ngày 16/01/2012, Công ty HH gửi văn bản yêu cầu Công ty VQT đến nhận hàng nhưng Công ty VQT đều không đến nhận hàng. Công ty VQT không nhận hàng dẫn đến Công ty HH thiệt hại nhiều về chi phí sản xuất đối với lô hàng này.

Công ty HH đồng ý với yêu cầu chấm dứt Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011, không đồng ý với yêu cầu trả tiền cọc, phạt hợp đồng, trả tiền thuê xe, trả tiền bị phạt hợp đồng với Công ty H và Công ty N, bồi thường thiệt hại như đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ngày 15/12/2017.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty H có Văn bản số 10A/09/2013/CV ngày 09/9/2013 với nội dung không có ý kiến trong vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty VQT và Công ty HH, xin vắng mặt trong các lần triệu tập sau của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Người làm chứng:

+ Ông H trình bày: Ông là bảo vệ của Công ty HH, vào khoảng 10 giờ sáng (không nhớ rõ ngày) có người đi xe 07 chỗ đến Công ty HH vào phòng bảo vệ gặp ông và nói là giám đốc Công ty VQT đến để nhận hàng. Ông Hương có hỏi giấy giới thiệu thì “ông ta nói là giám đốc nên không cần giấy giới thiệu”, rồi ông bảo vệ dẫn ông khách vào phòng bán hàng gặp bộ phận bán hàng là bà Lưu Thúy U. Hai bên nói chuyện khoảng 30 phút thì bà U dẫn người khách đó xuống xưởng để xem và kiểm tra hàng, lúc đó cũng hết giờ làm việc buổi sáng. Chiều ông khách lại vào công ty, khoảng 30 phút sau có 01 xe tải nói tới lấy hàng cho Công ty VQT thì ông có mở cửa cho xe vào và nói tài xế chờ chút. Sau đó, bộ phận sản xuất cầu hàng lên xe, lúc đó ông khách có lên xuống xem hàng và có lên văn phòng làm việc tiếp với bộ phận bán hàng. Sau đó thấy trong bộ phận bán hàng lớn tiếng, ông có vào góp ý nhưng người khách vẫn còn lớn tiếng và ông phát hiện người khách có mùi rượu. Sau đó, ông quay ra giám sát anh em xuất hàng đang chất lên xe. Lúc sau, bộ phận bán hàng yêu cầu lấy hàng xuống. Xe tải đi ra trước và ông khách lên xe 07 chỗ đi ra luôn. Ông được biết tài xế của xe tải có quen với ông khách. Sau đó có hai anh công an phường Phước Long A xuống làm việc với bộ phận bán hàng, nội dung thế nào ông không được biết.

+ Bà Lưu Thúy U trình bày: Bà là thư ký bộ phận kinh doanh của Công ty HH. Vào buổi chiều (do đã lâu nên không nhớ rõ ngày), bà Quỳnh – giám đốc Công ty VQT có trao đổi điện thoại với bà U là yêu cầu Công ty HH xuất hóa đơn trước và gửi chuyển phát nhanh cho Công ty VQT để công ty giải quyết vụ việc và có nói là sáng hôm sau sẽ nhận hàng. Sau đó, bà có báo cho phòng kế toán do chị Bùi Thị Hồng S phụ trách và phòng kế toán đã xuất hóa đơn và gửi chuyển phát nhanh vào sáng ngày hôm sau, chiều cùng ngày thì Công ty VQT tới nhận hàng. Bảo vệ có dẫn ông khách đó vào gặp bà và bà dẫn ông khách đó xuống xưởng để kiểm tra hàng và ông khách đồng ý nhận hàng, bộ phận sản xuất cầu hàng lên xe, ông khách quay lại yêu cầu công ty xuất hóa đơn thì bà nói đã xuất hóa đơn và gửi chuyển phát nhanh rồi và có đưa hóa đơn xanh còn lưu lại và giấy gửi bưu điện hóa đơn đã chuyển phát nhanh cho ông khách xem nhưng ông ta không đồng ý và cự cãi. Công ty HH có nói nếu vận chuyển hàng trên đường có gặp vấn đề gì thì Công ty HH sẽ photo hóa đơn đã xuất và đóng dấu sao y nhưng ông khách vẫn không đồng ý và không nhận hàng. Sau đó, Công an phường Phước Long A xuống làm việc với bộ phận kế toán nên bà không biết nội dung.

+ Bà Bùi Thị Hồng S trình bày: Bà là nhân viên Công ty HH, đảm nhiệm công việc kế toán xuất hóa đơn. Sau khi Công ty HH và Công ty VQT ký Hợp đồng mua bán ngày 22/12/2011, hàng hóa đã được Công ty HH sản xuất xong ngày 28/12/2011 và đã báo cho bà Quỳnh – Giám đốc Công ty VQT biết và đề nghị qua lấy hàng. Sáng ngày 02/01/2012, bà fax hóa đơn giá trị gia tăng qua cho bà Quỳnh xem. Sau khi xem xong, bà Q đã điện thoại cho bà yêu cầu gửi chuyển phát nhanh bản chính Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003251 ký hiệu HH/11P ngày 28/12/2011 của Công ty HH cho Công ty VQT. Thực tế, hàng sản xuất xong vào cuối tháng 12/2011, sau đó nghỉ lễ vào mới xuất hóa đơn nên hóa đơn ghi lùi ngày để phù hợp với tồn kho nguyên liệu và báo cáo thuế hàng tháng. Chiều ngày 02/01/2012, bà gửi hóa đơn nêu trên theo thủ tục chuyển phát nhanh và đặt tại phòng bảo vệ của công ty để sáng ngày hôm sau nhân viên bưu điện sẽ vào lấy thư. Sau đó bà kiểm tra lại thì được biết bưu điện đã vào lấy thư và thực hiện việc chuyển phát nhanh. Nhưng sau đó, bưu điện có điện thoại cho Công ty HH báo là thư không có người nhận, có xin số điện thoại của bà Quỳnh, bà có cho số điện thoại của bà Q. Do không chuyển phát được nên phía bưu điện có chuyển trả lại hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty HH. Do khách hàng không nhận nên Công ty HH phải bấm 03 liên của hóa đơn lại và gạch chéo (hủy) để báo cáo thuế hàng tháng. Sáng ngày 03/01/2012, ông B không đến gặp bà.

+ Ông Võ Hồng T trình bày: Ông phụ trách quản lý kinh doanh dự án của Công ty HH. Ngày 03/01/2012, Công ty VQT có qua nhận hàng, nhân viên của ông là bà Lưu Thúy U có hỏi giấy giới thiệu thì không cung cấp được. Ông được phân công ký giấy tờ trình lên ban giám đốc để xuất hàng khi có khách đến nhận hàng nhưng do Công ty VQT không có giấy giới thiệu nhận hàng nên ông không ký trình ban giám đốc xuất hàng. Sau đó, ông H (bảo vệ) cũng báo là không xuất hàng. Khi được hỏi, sao khi đi nhận hàng mà không có giấy giới thiệu thì ông B nói ông là giám đốc Công ty VQT. Tiếp đến, ông B báo Công an về việc Công ty

HH bán hàng không xuất hóa đơn. Công ty HH xuất trình các chứng từ cho công an xem sau đó hai ông công an nói không có vấn đề gì. Ông không trực tiếp làm việc với ông B, ông chỉ hỏi bà U xem giấy tờ ông B có đầy đủ không thì bà U báo là không có giấy giới thiệu nên ông không ký trình ban giám đốc xuất hàng.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011, buộc Công ty HH trả cọc là 8.101.000 đồng, phạt 5% giá trị hợp đồng là 4.050.000 đồng, tiền thuê xe là 2.800.000 đồng, tiền bồi thường các thiệt hại là 45.794.000 đồng (trong đó có tiền phạt hợp đồng với Công ty H, tiền bồi thường hợp đồng cho thuê nhà xưởng với Công ty N, tiền thiệt hại do khắc phục cấu trúc thép lắp dựng dở dang bị rỉ sét) và tiền lãi 26.286.000 đồng (lãi suất 7%/năm trên số tiền 45.794.000 đồng tổng bồi thường thiệt hại và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí)

Bị đơn là Công ty HH đồng ý với yêu cầu chấm dứt Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011 nhưng không đồng ý với yêu cầu trả tiền cọc, phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại của Công ty VQT.

Người làm chứng là ông Võ Hồng Thái thì giữ nguyên lời trình bày trong Biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2013. Ông xác định ông B đến nhận hàng nhưng không có giấy giới thiệu nên ông không ký trình ban giám đốc xuất hàng. Hàng đã được xếp lên xe của Công ty VQT nhưng chưa vận chuyển ra khỏi cổng Công ty HH.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty H, Công ty N vắng mặt.

Người làm chứng là bà U, bà S, ông H vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/KDTM-ST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 9 đã quyết định:

1. Chấm dứt Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 giữa Công ty HH và Công ty VQT (nay là Công ty VQT).
2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT buộc Công ty HH trả tiền cọc 8.101.000 đồng và phạt 5% giá trị hợp đồng với số tiền 4.050.000 đồng.
3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT buộc Công ty HH trả 2.800.000 đồng thuê xe vận chuyển tôn.
4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT buộc Công ty HH trả 6.543.000 đồng do bị phạt hợp đồng với đơn vị lắp ráp nhà tiền chế Công ty H.
5. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT buộc Công ty HH trả 24.300.000 đồng tiền bồi thường hợp đồng cho thuê nhà xưởng với Công ty N và tiền cho thuê nhà xưởng các tháng tiếp theo.
6. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT buộc Công ty HH trả số tiền lãi trên số tiền 47.794.000 đồng với lãi suất 7%/năm là 26.286.000 đồng.

7. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty VQT buộc Công ty HH bồi thường 15.000.500 đồng để khắc phục phần cấu trúc thép lắp dựng đỡ dầm của nhà xưởng bị rỉ sét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Công ty VQT có Đơn kháng cáo đề ngày 23/7/2019 về việc công ty kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm do nội dung của bản án chưa xem xét hết các tình tiết, nội dung vụ án làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, cụ thể:

+ Nguyên đơn cho rằng quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm bị thất lạc một số tài liệu, chứng cứ do vụ án kéo dài hơn 7 năm, hồ sơ được chuyển giao qua nhiều thẩm phán giải quyết đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

+ Nguyên đơn yêu cầu Công ty HH bồi thường thiệt hại phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011 và các chi phí phát sinh, cụ thể yêu cầu trả cọc là 8.101.000 đồng, phạt 5% giá trị hợp đồng là 4.050.000 đồng, tiền thuê xe là 2.800.000 đồng, tiền bồi thường các thiệt hại là 45.794.000 đồng (trong đó có tiền phạt hợp đồng với Công ty H, tiền bồi thường hợp đồng cho thuê nhà xưởng với Công ty N, tiền thiệt hại do khắc phục cấu trúc thép lắp dựng đỡ dầm bị rỉ sét) và tiền lãi 26.286.000 đồng (lãi suất 7%/năm trên 45.794.000 đồng tổng số tiền bồi thường thiệt hại và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí). Nguyên đơn yêu cầu chấm dứt thực hiện Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của Công ty VQT do người đến nhận hàng không có giấy giới thiệu của Công ty VQT, nên bị đơn không giao hàng. Thời gian sau, bị đơn có nhiều văn bản gửi Công ty VQT về việc yêu cầu đến nhận hàng, Công ty VQT đồng ý đến nhận hàng với điều kiện bị đơn phải trả tiền thuê xe, bị đơn không đồng ý điều kiện này và đến nay Công ty VQT cũng chưa nhận hàng. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm y án sơ thẩm. Bị đơn đồng ý chấm dứt thực hiện Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án thì quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có thông báo về thời gian giao hàng. Sau khi việc giao nhận hàng không thực hiện được thì thời gian sau đó bị đơn có văn bản yêu cầu nguyên đơn đến nhận hàng nhưng nguyên đơn cũng không đến nhận hàng. Nên yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung kháng cáo với yêu cầu như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

- Nguyên đơn cho rằng quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm bị thất lạc một số tài liệu, chứng cứ do vụ án kéo dài hơn 7 năm, hồ sơ được chuyển giao qua nhiều thẩm phán giải quyết đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thì vấn đề này nguyên đơn không có chứng cứ để chứng minh tại giai đoạn sơ thẩm có một số tài liệu bị thất lạc, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011 và các chi phí phát sinh, cụ thể yêu cầu trả cọc là 8.101.000 đồng, phạt 5% giá trị hợp đồng là 4.050.000 đồng, tiền thuê xe là 2.800.000 đồng, tiền bồi thường các thiệt hại là 45.794.000 đồng (trong đó có tiền phạt hợp đồng với Công ty H, tiền bồi thường hợp đồng cho thuê nhà xưởng với Công ty N, tiền thiệt hại do khắc phục cấu trúc thép lắp dựng dở dang bị rỉ sét) và tiền lãi 26.286.000 đồng (lãi suất 7%/năm trên 45.794.000 đồng tổng số tiền bồi thường thiệt hại và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí) là không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do nguyên đơn đến nhận hàng theo Thông báo giao hàng đề ngày 28/12/2011 của bị đơn nhưng người đến nhận hàng không có thẩm quyền (không có giấy giới thiệu) là lỗi của nguyên đơn, việc bị đơn từ chối giao hàng là đúng với quy định của pháp luật. Thời gian sau, bị đơn có gửi các văn bản yêu cầu nguyên đơn đến nhận hàng nhưng nguyên đơn đến nhận với điều kiện bị đơn phải trả tiền thuê xe, bị đơn không đồng ý và đến nay nguyên đơn cũng chưa nhận hàng thì vấn đề này thể hiện nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng (theo thỏa thuận của hợp đồng thì nguyên đơn tự vận chuyển). Mặt khác, nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc nguyên đơn bị phạt hợp đồng với đơn vị lắp ráp nhà tiền chế Công ty H và tiền bồi thường hợp đồng cho thuê nhà xưởng, tiền cho thuê nhà xưởng các tháng tiếp theo với Công ty N nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở. Việc yêu cầu bồi thường 15.000.500 đồng để khắc phục phần cấu trúc thép lắp dựng dở dang, không có tôn lợp dẫn đến rỉ sét do nguyên đơn không tiến hành nộp chi phí tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường 15.000.500 đồng này của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Do không chấp nhận các yêu cầu trả cọc và bồi thường của nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Nguyên đơn yêu cầu chấm dứt thực hiện Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 ngày 22/12/2011 và bị đơn đồng ý thì vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 9.

- Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như bản án sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 34, Điều 56 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty VQT (nay là Công ty VQT). Giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1. Chấm dứt Hợp đồng mua bán số 03/HĐMBDA-22/12/2011 giữa Công ty HH và Công ty VQT (nay là Công ty VQT).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT về việc buộc Công ty HH trả tiền cọc 8.101.000 đồng và phạt 5% giá trị hợp đồng với số tiền được tính là 4.050.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT về việc buộc Công ty HH trả 2.800.000 đồng là tiền thuê xe vận chuyển tôn.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT về việc buộc Công ty HH trả 6.543.000 đồng do bị phạt hợp đồng với đơn vị lắp ráp nhà tiền chế Công ty H.

5. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT về việc buộc Công ty HH trả 24.300.000 đồng tiền bồi thường hợp đồng cho thuê nhà xưởng với Công ty N và tiền cho thuê nhà xưởng của các tháng tiếp theo.

6. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty VQT về việc buộc Công ty HH trả số tiền lãi là 26.286.000 đồng.

7. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty VQT về việc buộc Công ty HH bồi thường 15.000.500 đồng để khắc phục phần cấu trúc thép lắp dựng dở dang của nhà xưởng bị rỉ sét.

8. Án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

Công ty VQT phải nộp án phí là 5.289.700 (*Năm triệu hai trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 3569 ngày 19/3/2012 và 1.500.000 đồng theo Biên lai thu số 3739 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty VQT còn phải nộp thêm số tiền là 1.789.700 (*Một triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm*) đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Công ty VQT phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 26114 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPH;
- VKSND Cấp cao tại TPH;
- VKSND TPH;
- TAND Quận 9;
- Cục THADS TPH;
- Chi cục THADS Quận 9;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

**TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Dũng